

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: **68/2017/HSST**
Ngày 29-9-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Từ Thanh Nhung.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Văn Công Trọn.**

Bà Nguyễn Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2017/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017, đối với các bị cáo:

- 1. Trần Văn M**, sinh năm 1978. Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Hai P (chết) và bà Huỳnh Thị K (chết); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/7/2017 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt).
- 2. Nguyễn Văn N**, sinh năm 1980. Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/7/2017 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt).
- 3. Trần Văn S**, sinh năm 1972. Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn B và bà Ký Kim C; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo tại ngoại. (Bị cáo có mặt).

- *Người bị hại:*

Lê Hà T, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Phẩm Văn L, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyễn Việt T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Huỳnh Thị T, sinh năm 1949 (Có mặt).

Nguyễn Mỹ X, sinh năm 1986 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng:*

Nguyễn Văn C, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyễn Chúc G, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 29/6/2017, Trần Văn M điện thoại hỏi Nguyễn Văn N hỏi có biết chỗ nào có lú quế đi lấy trộm bán lấy tiền chia nhau xài, thì được N đồng ý và nói ở ngoài đê K thuộc xã K có nhiều người đặt lú quế. Sau đó M điều khiển vô composite và máy mitsubishi yamaha đến nhà N, chở N chạy xuống cống Kinh Tư, xã K, huyện T, do cống bị đóng nên không ra ngoài đê được, M phát hiện có 01 vỏ của anh Lê Hà T đậu tại cống, trên vỏ có 01 bình ắc quy 70A, M cập vỏ vào lấy bình ắc quy bỏ qua vỏ của M rồi cùng N chạy về nhà của Nguyễn Văn C ở ấp L, xã K ở đây tổ chức nhậu, sau đó M và N gửi bình ắc quy lại cho C. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì nghỉ nhậu, M điều khiển vô máy chở N đến vàm kinh Ô thuộc khóm 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, N ngồi trước dùng dầm rà phát hiện lú quế, nên N nắm kéo lên lấy được 13 cái lú quế của Phẩm Văn L đưa lên vỏ, M điện thoại cho Trần Văn S nói mới trộm được lú quế có mua không, S nói mua nên M chạy vô đến nhà của S, N và S đem lú lên và thống nhất giá 13 cái lú quế là 1.200.000 đồng, S trả tiền cho N 1.200.000 đồng, S chia cho M 500.000 đồng. Tại nhà S, M và N cùng S nhậu đến khoảng 01 giờ ngày 30/6/2017 thì M và N xuống vỏ, M điều khiển vô máy chạy đi đến vàm kinh P thuộc xã K, huyện T, M và N tiếp tục trộm miếng đáy của ông Nguyễn Việt T đang đóng trên Sông Ông Đốc, M cập vỏ vào còn N là người dùng dao cắt dây sau đó kéo miếng đáy lên vỏ, sau đó M điện cho S hỏi mới trộm được miếng đáy có mua không, S nói không mua, nhưng M và N vẫn chở miếng đáy đến gửi lại nhà S, đến sáng ngày 30/6/2017 Sơn

kêu M bán miệng đày cho S với giá 2.000.000 đồng, nhưng M không bán, M kêu N kiểm người bán, N điện thoại cho L (không rõ địa chỉ) kêu bán miệng đày giá 4.000.000 đồng, L đồng ý mua và kêu N chờ đến cổng M cho L. Đến khoảng 19 giờ ngày 01/7/2017, M và N đến nhà S lấy miệng đày chờ đến điểm hẹn để bán cho L thì bị công an phát hiện bắt lập biên bản thu giữ miệng đày. Riêng bình ắc quy N đã bán cho người mua phế liệu giá 160.000 đồng.

Tại kết luận định giá số 30 ngày 03/07/2017 của Hội đồng định giá thuộc UBND huyện T kết luận: 13 cái lú quế trị giá là 3.809.500 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 31 ngày 03/07/2017 của Hội đồng định giá thuộc UBND huyện T kết luận: 01 miệng đày chiều rộng 15,5 mét X dài 32m có giá trị là 5.822.480 đồng.

Tại kết luận định giá số 32 ngày 03/07/2017 của Hội đồng định giá thuộc UBND huyện T kết luận: 01 bình ắc quy 70A có giá trị là 1.334.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 10.965.000 đồng.

Tang vật thu giữ: Thu giữ của Trần Văn M 01 điện thoại Nokia màu xanh trắng, 01 vỏ composite dài 6,5 mét màu trắng xanh, 01 máy mitsu yama 18HP màu cam đen, 01 cây dầm gỗ, 70 cái lú quế, 500.000 đồng (do bà X nộp thay cho bị cáo M). Thu của Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động màu trắng vàng hiệu model R10, tiền Việt nam là 1.400.000 đồng (do bà T nộp thay cho bị cáo N). Thu của Trần Văn S 01 điện thoại Nokia màu đen. Đối với 13 cái lú đã trả cho anh L, 01 miệng đày đã trả cho anh T.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo N đồng ý bồi thường cho người bị hại T số tiền 1.334.000 đồng. Bị cáo M yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về trách nhiệm dân sự.

Bản cáo trạng số 64/KSĐT-KT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo M và bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo S về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo M và bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản”, truy tố đối với bị cáo S về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo M mức án tù 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo N mức án tù 06 tháng đến 01 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật

hình sự, xử phạt bị cáo S mức án tù 06 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 02 năm.

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N và bị cáo M có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại T số tiền là 1.334.000 đồng.

Về tang vật:

+ Đối với số tiền thu lợi bất chính buộc bị cáo N phải nộp 860.000 đồng, buộc bị cáo M nộp 500.000 đồng tịch thu và sung công quỹ nhà nước.

+ Tịch thu và sung công quỹ nhà nước của Trần Văn M 01 điện thoại Nokia màu xanh trắng; của Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động màu trắng vàng hiệu model R10, của Trần Văn S 01 điện thoại Nokia màu đen .

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn M và bà Nguyễn Mỹ X: 01 vỏ composite dài 6,5 mét màu trắng xanh, 01 máy mitsu yama 18HP màu cam đen, 01 cây dầm gỗ, 70 cái lú quế.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo M và bị cáo N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo S xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 10 giờ ngày 29/6/2017, Trần Văn M điện thoại hỏi Nguyễn Văn N hỏi có biết chỗ nào có lú quế đi lấy trộm bán lấy tiền chia nhau xài, thì được N đồng ý và nói ở ngoài đê K thuộc xã K có nhiều người đặt lú quế. Sau đó M điều khiển vỏ composite và máy mitsu yama đến nhà N, chở N chạy xuống cống K, xã K, huyện T, do cống bị đóng nên không ra ngoài đê được, M phát hiện có 01 vỏ của anh Lê Hà T đậu tại cống, trên vỏ có 01 bình ắc quy 70A, M cạp vỏ vào lấy bình ắc quy bỏ qua vỏ của M rồi cùng N chạy về nhà của

Nguyễn Văn C. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì M điều khiển vỏ máy chở N đến vàm kinh Ô thuộc khóm 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, N ngồi trước dùng đũa và phát hiện lú quế, nên N nắm kéo lên lấy được 13 cái lú quế của Phạm Văn L đưa lên vỏ, M điện thoại cho Trần Văn S nói mới trộm được lú quế có mua không, S nói mua nên M chạy vỏ đến nhà của S, N và S đem lú lên và thống nhất giá 13 cái lú quế là 1.200.000 đồng, S trả tiền cho N 1.200.000 đồng, S chia cho M 500.000 đồng. Khoảng 01 giờ ngày 30/6/2017 thì M và N xuống vỏ, M điều khiển vỏ máy chạy đi đến vàm kinh P thuộc xã K, huyện T, M và Ng tiếp tục trộm miệng đáy của ông Nguyễn Việt T đang đóng trên Sông Ông Đốc, M cập vỏ vào còn N là người dùng dao cắt dây sau đó kéo miệng đáy lên vỏ, sau đó M điện cho S hỏi mới trộm được miệng đáy có mua không, S nói không mua, nhưng M và N vẫn chở miệng đáy đến gửi lại nhà S, đến sáng ngày 30/6/2017 S kêu M bán miệng đáy cho S với giá 2.000.000 đồng, nhưng M không bán. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 10.965.000 đồng. Trước trong và sau khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của các bị cáo gây ra.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá các chứng cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo M và bị cáo N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo S đã phạm tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo M và bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và bị cáo S về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, các bị cáo cũng biết được tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, nhưng do bản chất lười lao động, thích ngồi không nhưng lại muốn hưởng thụ trên công sức của người khác, nên các bị cáo sẵn sàng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và chứa chấp, tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có. Do đó cần xử lý nghiêm đối với hành vi của các bị cáo và cách ly bị cáo M và bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, ngoài ra còn đảm bảo công tác phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội. Đối với bị cáo S có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn C có giữ 01 bình ắc quy 70A của M và N trộm, nhưng C không biết M và N trộm mà có, do đó cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là đúng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo M và bị cáo N có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện ở việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đối với bị cáo N và bị cáo M đã tác động gia đình nộp bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại. Do đó, cần cho các bị cáo M và bị cáo N hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; bị cáo S hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy các điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng và việc xử phạt bị cáo M mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù; xử phạt bị cáo N mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù; xử phạt bị cáo S mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 02 năm là phù hợp, nên cần chấp nhận.

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N và bị cáo M có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại T số tiền là 1.334.000 đồng.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

+ Đối với số tiền thu lợi bất chính buộc bị cáo N phải nộp 860.000 đồng, buộc bị cáo M nộp 500.000 đồng tịch thu và sung công quỹ nhà nước.

+ Tịch thu và sung công quỹ nhà nước của Trần Văn M 01 điện thoại Nokia màu xanh trắng; của Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động màu trắng vàng hiệu model R10, của Trần văn S 01 điện thoại Nokia màu đen .

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn M và bà Nguyễn Mỹ X: 01 vỏ composite dài 6,5 mét màu trắng xanh, 01 máy mitsu yama 18HP màu cam đen, 01 cây dầm gỗ, 70 cái lú quế.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng; bị cáo M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 98, Điều 99 Bộ luật hình sự; điểm a và

điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M và bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trần Văn S phạm tội “Chưa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn M**: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo là ngày 03/7/2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N**: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo là ngày 03/7/2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự. Nghị Quyết 01/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn S**: 09 (chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau quản lý và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N và bị cáo M có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại T số tiền là 1.334.000 đồng.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

+ Đối với số tiền thu lợi bất chính buộc bị cáo N phải nộp 860.000 đồng, buộc bị cáo M nộp 500.000 đồng tịch thu và sung công quỹ nhà nước.

+ Tịch thu và sung công quỹ nhà nước của Trần Văn M 01 điện thoại Nokia màu xanh trắng; của Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động màu trắng vàng hiệu model R10, của Trần Văn S 01 điện thoại Nokia màu đen .

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn M và bà Nguyễn Mỹ X: 01 vỏ composite dài 6,5 mét màu trắng xanh, 01 máy mitsu yama 18HP màu cam đen, 01 cây dầm gỗ, 70 cái lú quế.

Tất cả các tang vật trên hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo M, bị cáo N, bị cáo S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Bị cáo M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các người bị hại, các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người bị hại Nguyễn Việt T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau.
- Bị cáo;
- VKSND huyện T;
- CQĐT Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TỪ THANH NHUNG

